TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vinh

Bà Phạm Thị Thúy Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 168/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1344/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Hương T; nơi cư trú: Xóm Đ, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh WAC; nơi cư trú: Nhà số 7/196 H, cụm 011, phường C, thị trấn C, M, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Lương Thị Hương T trình bày:

Chị và anh WAC kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng và được Ủy ban nhân dân phường thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 01 năm 2006. Sau khi kết hôn, chị có sang Đài Loan chung sống tại nhà anh WAC từ tháng 02 năm 2006 đến tháng 01 năm 2007.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, chênh lệch tuổi tác quá nhiều, phong tục văn hóa hoàn toàn khác nhau; mặt khác gia đình người thân ở xa nên khó có người can ngăn vì thế cũng là lý do dẫn tới ly hôn.

Tại Đài Loan chị và anh WAC đã ra Tòa án địa phương nơi anh WAC cư trú để làm thủ tục ly hôn nhưng sau một thời gian chị mới biết thủ tục ly hôn trên không đúng pháp lý. Đến năm 2007, chị về Việt Nam, vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó đến nay đã 10 năm, hai bên không còn liên lạc với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh WAC được ly hôn.

Về con chung và tài sản chung: Chị và anh WAC không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo kết quả ủy thác tư pháp lấy lời khai của anh WAC:

Anh là thợ cơ khí (thợ máy) thông qua bạn bè giới thiệu mới quen biết được Chị Lương Thị Hương T. Trước khi tiến tới hôn nhân đã qua lại và tìm hiểu nhau trong khoảng thời gian từ 03 đến 05 tháng. Cả hai đã đăng ký kết hôn, làm thủ tục kết hôn tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng, có được sự đồng thuận của hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới tại khách sạn. Sau khi kết hôn sinh sống cùng nhau tại thị trấn Z huyện M. Thời gian sống chung là 01 năm và đã có 05 tháng hạnh phúc ở bên nhau, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ngôn ngữ bất đồng, tính cách lại không hợp, thêm nữa chị T không quen với phong tục tập quán tại địa phương … và giao tiếp kém nên chị T đã quay lại Việt Nam sau 01 năm. Sau khi mâu thuẫn xảy ra hai bên cũng không thường xuyên liên lạc và thăm hỏi nhau.

Nay chị T có đơn đề nghị xin ly hôn, anh biết và đồng ý, anh chúc phúc cho chị T và mong muốn Tòa án sớm giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị T.

Về con chung và tài sản chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T, anh và chị T không có con chung và tài sản chung và đồng ý việc Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Lương Thị Hương T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh WAC. Bị đơn anh WAC vắng mặt nhưng đã có ý kiến yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải phòng:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh WAC đã mâu thuẫn trầm trọng, yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ hiện nay của hai bên.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản

4 Điều 147, Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-NQ ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Lương Thị Hương T, cho chị Lương Thị Hương T được ly hôn với anh WAC.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Chị Lương Thị Hương T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lương Thị Hương T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh WAC, anh WAC hiện đang cư trú tại Nhà số 7/196 H, cụm 011, phường C, thị trấn C, M, Đài Loan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Lương Thị Hương T là nguyên đơn và anh WAC là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Hương T và anh WAC kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Sở tư pháp thành phố Hải Phòng và đã được Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 13 tháng 01 năm 2006. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Chị Lương Thị Hương T và anh WAC đều xác định: Vợ chồng có thời gian chung sống ngắn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa, quan điểm sống, đến năm 2007 Chị T về Việt Nam, vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Xét việc anh WAC và chị Lương Thị Hương T cùng thuận tình ly hôn là tự nguyện do mục đích hôn nhân của hai người không đạt được, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị Hương T và anh WAC theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung và tài sản chung: Chị Lương Thị Hương T và anh WAC không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lương Thị Hương T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[9] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Lương Thị Hương T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, khoản 1 Điều 228, Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Hương T và anh WAC (VTr) được ly hôn.

2. Về con chung và tài sản chung: Chị Lương Thị Hương T và anh WAC (VTr) không có tài sản chung và con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lương Thị Hương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, Chị T được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2014/0003995 ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Lương Thị Hương T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Chị Lương Thị Hương T phải chịu 200.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chị T được trừ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0010561 ngày 20 tháng 12 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Lương Thị Hương T đã nộp đủ tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Lương Thị Hương T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh WAC (VTr) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp